

3/2024 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUỒNG ĐỒNG NAI – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo số 313-316/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4ĐN001, VN4SG001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 04 tháng 01 năm 2024)

Chèn	Độ sâu	9 ₉	10°45'33.46"N	106°47'43.79"E
		9 ₅	10°45'35.22"N	106°47'39.55"E
		8 ₈	10°45'32.51"N	106°47'33.93"E
		8 ₈	10°45'18.53"N	106°47'06.97"E
		8 ₂	10°45'18.12"N	106°47'04.65"E
Xoá	Độ sâu	11 ₈	10°45'35.13"N	106°47'39.61"E
		10 ₂	10°45'32.13"N	106°47'33.93"E
		5 ₁	10°45'17.52"N	106°46'59.39"E
		9 ₉	10°45'17.47"N	106°47'05.28"E
		9 ₁	10°45'18.86"N	106°47'07.40"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 04 tháng 01 năm 2024)

Chèn	Độ sâu	9 ₉	10°45'33.46"N	106°47'43.79"E
		8 ₈	10°45'32.51"N	106°47'33.93"E
		8 ₈	10°45'18.53"N	106°47'06.97"E
Xoá	Độ sâu	10 ₂	10°45'32.13"N	106°47'33.93"E
		9 ₁	10°45'18.86"N	106°47'07.40"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

3/2024 – VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – DONG NAI CHANNEL – Depths

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety Notice No. 313-316/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4ĐN001, VN4SG001 (Edition No. 2, updated on January 4th, 2024)

Insert	Depth	9 ₉	10°45'33.46"N	106°47'43.79"E
		9 ₅	10°45'35.22"N	106°47'39.55"E
		8 ₈	10°45'32.51"N	106°47'33.93"E

		8_8	10°45'18.53"N	106°47'06.97"E
		8_2	10°45'18.12"N	106°47'04.65"E
Delete	Depth	11_8	10°45'35.13"N	106°47'39.61"E
		10_2	10°45'32.13"N	106°47'33.93"E
		5_1	10°45'17.52"N	106°46'59.39"E
		9_9	10°45'17.47"N	106°47'05.28"E
		9_1	10°45'18.86"N	106°47'07.40"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on January 4th, 2024)

Insert	Depth	9_9	10°45'33.46"N	106°47'43.79"E
		8_8	10°45'32.51"N	106°47'33.93"E
		8_8	10°45'18.53"N	106°47'06.97"E
Delete	Depth	10_2	10°45'32.13"N	106°47'33.93"E
		9_1	10°45'18.86"N	106°47'07.40"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
